

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4103 /MB-HS

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

V/v: Công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc
lãi

Kính gửi: -Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Quý Nhà đầu tư

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Quân đội gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- ❖ Tên doanh nghiệp: **Ngân hàng TMCP Quân Đội**
- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- ❖ Số điện thoại: 024 62661088
- ❖ Số Fax giao dịch: 024 62661080
- ❖ Địa chỉ thư điện tử: info@mbbank.com.vn
- ❖ Loại hình doanh nghiệp: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần – Công ty đại chúng
- ❖ Lĩnh vực hoạt động chính:
 - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
 - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:



- Cho vay;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước.
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
 - Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
 - Mở tài khoản:
 - Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
 - Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
 - Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
 - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp
 - Dịch vụ môi giới tiền tệ
 - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung), Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.
- Lưu ký chứng khoán.
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
- Ví điện tử.
- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- Mua nợ
- Kinh doanh Giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận)

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu: 6 tháng/năm (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021)

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn gốc	Ngày phát hành	Đồng tiền phát hành	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Giá trị đang lưu hành (theo mệnh giá)	Kỳ trả lãi	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Thanh toán lãi				Thanh toán gốc				Lý do chậm/ không thanh toán gốc, lãi (nếu có)
									Số tiền phải thanh toán	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế	Số tiền phải thanh toán	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế			
1	MB.2018.10Y.01	10 năm	16/10/2018	VND	170,000,000,000	170,000,000,000	Hàng năm	16/10/2021	0	0		0	0		0		
2	MB.2018.10Y.02	10 năm	17/10/2018	VND	140,000,000,000	140,000,000,000	Hàng năm	17/10/2021	0	0		0	0		0		
3	MB.2018.10Y.03	10 năm	26/10/2018	VND	25,000,000,000	25,000,000,000	Hàng năm	26/10/2021	0	0		0	0		0		
4	MB.2018.10Y.04	10 năm	28/11/2018	VND	45,000,000,000	45,000,000,000	Hàng năm	28/11/2021	0	0		0	0		0		
5	MB.2018.10Y.05	10 năm	28/11/2018	VND	20,000,000,000	20,000,000,000	Hàng năm	28/11/2021	0	0		0	0		0		
6	MB.2018.5Y.01	5 năm 1 ngày	16/10/2018	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	Hàng năm	16/10/2021	0	0		0	0		0		
7	MB.2018.5Y.02	5 năm 1 ngày	17/10/2018	VND	160,000,000,000	160,000,000,000	Hàng năm	17/10/2021	0	0		0	0		0		
8	MB.2018.5Y.03	5 năm 1 ngày	18/10/2018	VND	70,000,000,000	70,000,000,000	Hàng năm	18/10/2021	0	0		0	0		0		
9	MB.2018.5Y.04	5 năm 1 ngày	18/10/2018	VND	300,000,000,000	300,000,000,000	Hàng năm	18/10/2021	0	0		0	0		0		

10	MB.2018.5Y.05	5 năm 1 ngày	24/10/2018	VND	600,000,000	600,000,000	Hàng năm	24/10/2021	0	0	0	0		
11	MB.2018.5Y.12	5 năm 1 ngày	13/12/2018	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	Hàng năm	13/12/2021	0	0	0	0		
12	MB.2018.5Y.15	5 năm 1 ngày	7/12/2018	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	Hàng năm	7/12/2021	0	0	0	0		
13	MB.2018.5Y.16	5 năm 1 ngày	19/12/2018	VND	150,000,000,000	150,000,000,000	Hàng năm	19/12/2021	0	0	0	0		
14	MB.2018.5Y.17	5 năm 1 ngày	24/12/2018	VND	500,000,000,000	500,000,000,000	Hàng năm	24/12/2021	0	0	0	0		
15	MB.2018.7Y.01	7 năm	29/11/2018	VND	40,000,000,000	40,000,000,000	Hàng năm	29/11/2021	0	0	0	0		
16	MB.2018.7Y.02	7 năm	12/12/2018	VND	400,000,000,000	400,000,000,000	Hàng năm	12/12/2021	0	0	0	0		
17	MB.2019.10Y.01	10 năm	30/9/2019	VND	60,000,000,000	60,000,000,000	Hàng năm	30/9/2021	0	0	0	0		
18	MB.2019.5Y.01	5 năm 1 ngày	11/10/2019	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	Hàng năm	11/10/2021	0	0	0	0		
19	MB.BOND.2017.02.5Y.01	5 năm 1 ngày	29/12/2017	VND	300,000,000,000	300,000,000,000	Hàng năm	29/12/2021	0	0	0	0		
20	MB.BOND.2017.10Y.01	10 năm	7/9/2017	VND	500,000,000,000	500,000,000,000	Hàng năm	7/9/2021	0	0	0	0		
21	MB.BOND.2017.10Y.08	10 năm	10/10/2017	VND	20,000,000,000	20,000,000,000	Hàng năm	10/10/2021	0	0	0	0		
22	MB.BOND.2017.5Y.01	5 năm 1 ngày	7/9/2017	VND	500,000,000,000	500,000,000,000	Hàng năm	7/9/2021	0	0	0	0		
23	MB.BOND.2017.5Y.02	5 năm 1 ngày	5/9/2017	VND	300,000,000,000	300,000,000,000	Hàng năm	5/9/2021	0	0	0	0		
24	MB.BOND.2017.5Y.03	5 năm 1 ngày	15/9/2017	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	Hàng năm	15/9/2021	0	0	0	0		
25	MB.BOND.2017.5Y.04	5 năm 1 ngày	21/9/2017	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	Hàng năm	21/9/2021	0	0	0	0		
26	MB.BOND.2017.5Y.05	5 năm 1 ngày	29/9/2017	VND	25,600,000,000	25,600,000,000	Hàng năm	29/9/2021	0	0	0	0		
27	MB.BOND.2017.5Y.06	5 năm 1 ngày	5/10/2017	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	Hàng năm	5/10/2021	0	0	0	0		
28	MB.BOND.2017.5Y.09	5 năm 1 ngày	30/10/2017	VND	25,800,000,000	25,800,000,000	Hàng năm	30/10/2021	0	0	0	0		
29	MB.BOND.2017.5Y.11	5 năm 1 ngày	28/11/2017	VND	9,400,000,000	9,400,000,000	Hàng năm	28/11/2021	0	0	0	0		
30	MB.BOND.2017.5Y.12	5 năm 1 ngày	12/12/2017	VND	15,000,000,000	15,000,000,000	Hàng năm	12/12/2021	0	0	0	0		
31	MB.BOND.2017.5Y.15	5 năm 1 ngày	25/12/2017	VND	3,500,000,000	3,500,000,000	Hàng năm	25/12/2021	0	0	0	0		
32	MB.BOND.2017.5Y.17	5 năm 1 ngày	28/12/2017	VND	410,000,000,000	410,000,000,000	Hàng năm	28/12/2021	0	0	0	0		
33	MB.BOND.2017.7Y.07	7 năm	10/10/2017	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	Hàng năm	10/10/2021	0	0	0	0		
34	MB.BOND.2017.7Y.10	7 năm	24/11/2017	VND	60,000,000,000	60,000,000,000	Hàng năm	24/11/2021	0	0	0	0		

35	MB.BOND.2017.7Y.13	7 năm	14/12/2017	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	Hàng năm	14/12/2021	0	0	0	0	0		
36	MB.BOND.2017.7Y.14	7 năm	22/12/2017	VND	600,000,000,000	600,000,000,000	Hàng năm	22/12/2021	0	0	0	0	0		
37	MB.BOND.2017.7Y.16	7 năm	28/12/2017	VND	25,000,000,000	25,000,000,000	Hàng năm	28/12/2021	0	0	0	0	0		
38	MB20190Y02	10 năm	4/11/2019	VND	80,000,000,000	80,000,000,000	Hàng năm	4/11/2021	0	0	0	0	0		

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT



Nguyễn Minh Châu

